

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/9/2022

*V/v Tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Thái Trung Nghĩa
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022, về việc “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2022 giữa các đương sự.

- **Nguyên đơn:** Chị Ong Thị L, sinh năm 1986; (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.
- **Bị đơn:** Anh Từ Thanh N, sinh năm 1998; (vắng mặt)
Địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ong Thị L trình bày: Vào năm 2019, chị Ong Thị L và anh Từ Thanh N có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị L và anh N chung sống tại nhà anh N tại khóm A, Phường B, thị xã Vĩnh Châu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 con chung: cháu Ong Kim Mỹ P (Nữ), sinh ngày 11/02/2020. Nhưng dần dần phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng nên chị L dẫn cháu P về nhà cha mẹ ruột của chị L để sinh sống tại Khóm A, Phường B, thị xã Vĩnh Châu từ tháng 01/2021 cho đến nay.

Nay chị Ong Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Chị Ong Thị L yêu cầu quyết tuyên bố quan hệ sống chung giữa chị L với anh Từ Thanh N không phải là vợ chồng. Về con chung: Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L, đồng thời anh N cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận mối quan hệ chung sống giữa chị L và anh N là vợ chồng. Về con chung giao cháu Ong Kim Mỹ P (Nữ), sinh ngày 11/02/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh N, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh N theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Ong Thị L thấy rằng: Chị L và anh N chung sống với nhau từ năm 2019, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Chị L và anh N sống với nhau từ năm 2019 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên thì pháp luật không công nhận chị L và anh N là vợ chồng. Tại đơn yêu cầu đề ngày 18/8/2022 chị L vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án tuyên bố mối quan hệ chung sống giữa chị L và anh N không phải là vợ chồng vì hai người chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Đồng thời, theo như nhận định về mối quan hệ hôn nhân nêu trên thì giữa chị L và anh N không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị L và anh N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị L và anh N có 01 người con chung tên Ong Kim Mỹ P (Nữ), sinh ngày 11/02/2020 hiện do chị L nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống của cháu P không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung là cháu Ong Kim Mỹ P (Nữ), sinh ngày 11/02/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ong Thị L đối với bị đơn anh Từ Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ong Thị L và anh Từ Thanh N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Ong Kim Mỹ P (Nữ), sinh ngày 11/02/2020 cho chị L trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh Từ Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Từ Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ong Kim Mỹ P của chị Ong Thị L thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Ong Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0004275, ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Từ Thanh N không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng